

Điểm chuẩn trường Đại học Công nghiệp Vinh năm 2018

Trường Đại học Công nghiệp Vinh được thành lập ngày 12 tháng 6 năm 2013, theo Quyết định số 920 của Chính phủ QĐ-TTg, có trụ sở chính đặt tại Thành phố Vinh.

Địa chỉ: 26 Nguyễn Thái Học, Đội Cung, Thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 096 446 77 88

Tỉnh: Nghệ An

Thành lập: 12 tháng 6, 2013

Điểm chuẩn Đại học Công nghiệp Vinh chi tiết các ngành năm 2018:

BÁM XEM tại đây => <https://doctailieu.com/diem-chuan-truong-dai-hoc-cong-nghiep-vinh>

Tham khảo điểm chuẩn của các năm trước:

Chi tiết điểm chuẩn năm 2017:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7340301	Kế toán	A00; A01; D01; D07	15.5	Xét học bạ 18 điểm, không môn nào dưới 6 điểm
2	7480201	Công nghệ thông tin	A00; A01; D01; D07	15.5	
3	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	A00; A01; D01; D07	15.5	
4	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00; A01; D01; D07	15.5	
5	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A00; A01; D01; D07	15.5	
6	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	00; A01; A02; B00	15.5	

7	7510601	Quản lý công nghiệp	A00; A01; D01; D07	15.5
8	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00; A01; A02; B00	15.5
9	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00; C00; D01; D15	15.5
10	7810201	Quản trị khách sạn	A00; C00; D01; D15	15.5

Xem thêm điểm chuẩn năm 2016:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn
1	7540101	Công nghệ thực phẩm*	A00; A01; A02; B00	15
2	7510601	Quản lý công nghiệp	A00; A01; D01; D07	15
3	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	A00; A01; A02; B00	15
4	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A00; A01; D01; D07	15
5	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00; A01; D01; D07	15
6	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	A00; A01; D01; D07	15
7	7480201	Công nghệ thông tin	A00; A01; D01; D07	15
8	7340301	Kế toán	A00; A01; D01; D07	15
9	7340107	Quản trị khách sạn	A00; C00; D01; D15	15
10	7340103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00; C00; D01; D15	15

Chỉ tiêu tuyển sinh các ngành năm học 2018 - 2019 như sau:

Ngành học	Mã Ngành	Môn xét tuyển	Chỉ tiêu
Các ngành đào tạo đại học:			30%
1. Ngành Công nghệ kỹ thuật Điều khiển, Tự động	7510303	Toán, Lý, Hóa;(A00)	15

hóa		Toán, Lý, Anh; (A01)	
2. Ngành Công nghệ kỹ thuật Nhiệt	7510206	Toán, Hóa, Anh;	35
3. Ngành Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	7510301	(D07)	70
4. Ngành Công nghệ thông tin	7480201	Toán, Văn, Anh;	30
5. Ngành Công nghệ thực phẩm	7540101	(D01)	
6. Ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Toán, Lý, Hóa; (A00)	15
		Toán, Lý, Anh; (A01)	
		Toán, Lý, Sinh; (A02)	
		Toán, Hóa, Sinh;	
		(B00)	
7. Ngành Kế toán	7340301	Toán, Lý, Hóa; (A00)	60
		Toán, Lý, Anh; (A01)	
		Toán, Hóa, Anh;	
		(D07)	
		Toán, Văn, Anh	
		(D01)	
8. Ngành Quản lý công nghiệp	7510601	Toán, Lý, Hóa; (A00)	15
		Toán, Lý, Anh; (A01)	
		Toán, Hóa, Anh;	
		(D07)	
		Toán, Văn, Anh	
		(D01)	
9. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Toán, Lý, Hóa; (A00)	40
10. Ngành Quản trị khách sạn	7810201	Toán, Văn, Anh;	30
		(D01)	
		Văn, Sử, Địa; (C00)	
		Văn, Địa, Anh; (D15)	